

Số: 19/2025/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 30 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định định mức lập dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và một số định mức chi hoạt động quản lý khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ban hành Điều lệ sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BTC quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2023/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 99/TTr-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định định mức lập dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và một số định mức chi hoạt động quản lý khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định định mức lập dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và một số định mức chi hoạt động quản lý khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định định mức lập dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và một số định mức chi hoạt động quản lý khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2025.
2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành quy định định mức xây dựng dự toán đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

b) Nghị quyết số 114/2023/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định ban hành quy định định mức lập dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ Khoa học công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định;

c) Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về ban hành Quy định định mức xây dựng dự toán đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 30 tháng 10 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. *VT*



CHỦ TỊCH

Lê Quốc Chính



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Định mức lập dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và một số định mức chi hoạt động quản lý khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định định mức lập dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước và một số định mức chi hoạt động quản lý khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Các đơn vị huy động nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thì khuyến khích áp dụng định mức theo Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý và thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ quy định tại quy định này và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Các định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước theo Quy định này là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở và một số định mức chi hoạt động quản lý khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ vào tính chất, nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ và nguồn kinh phí được bố trí để quyết định mức chi xây dựng dự toán áp dụng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều 4, Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Những nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính

Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (gọi tắt là Thông tư số 03/2023/TT-BTC); Thông tư số 65/2024/TT-BTC ngày 05/9/2024 sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC; Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (gọi tắt là Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN) và các quy định có liên quan.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh tối đa không quá 32 triệu đồng/người/tháng; định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở tối đa không quá 25 triệu đồng/người/tháng; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

Chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hệ số lao động khoa học của các chức danh, dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN.

2. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu: Thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí; Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị; mức chi tiếp khách trong nước, chi tiếp khách nước ngoài và chi tổ chức các hội nghị quốc tế tại Việt Nam của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình. Ngoài ra, quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa (1.000 VNĐ)	
			Nhiệm vụ cấp tỉnh	Nhiệm vụ cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Buổi	1.600	1.200
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	500	400
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	2.000	1.300
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.000	700
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	300	200

3. Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Quy định này.

4. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 240 triệu đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, tối đa không quá 190 triệu đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Điều 5. Một số mức chi quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa (1.000 VNĐ)	
			Nhiệm vụ cấp tỉnh	Nhiệm vụ cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.200	900
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		800	600
	Thư ký khoa học		300	200
	Thư ký hành chính		300	200
	Đại biểu được mời tham dự		200	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400	300
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		550	450
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch Hội đồng		550	450
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		400	300
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.400	1.100

	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.200	1.000
	Thư ký khoa học		300	200
	Thư ký hành chính		300	200
	Đại biểu được mời tham dự		200	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		550	450
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		750	550
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch Hội đồng		1.400	1.100
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.200	1.000
	Thư ký khoa học		300	200
	Thư ký hành chính		300	200
	Đại biểu được mời tham dự		200	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		550	450
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		750	550
4	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ hoạt động của Hội đồng	Chuyên gia	1.200	1.000
5	Chi Hội đồng sáng kiến xét công nhận sáng kiến; Chi hội đồng sáng kiến đánh giá hiệu quả áp dụng,			

	khả năng nhân rộng của sáng kiến, hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ			
	Chủ tịch Hội đồng	Buổi họp	500	500
	Phó chủ tịch Hội đồng; thư ký Hội đồng và các thành viên Hội đồng	Người/buổi họp	200	200
	Đại biểu	Người/buổi họp	100	100

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

c) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật (nếu có).

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Chi tiền thù lao:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa (1.000 VNĐ)	
			Nhiệm vụ cấp tỉnh	Nhiệm vụ cấp cơ sở
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	800	650
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	550	450
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300	200
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200	100

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật.

3. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND;

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng tối

đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Quy định này.

4. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, quản lý về khoa học và công nghệ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu thực hiện theo khoản 2 Điều 4 Quy định này.

5. Chi hội đồng thẩm định cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ thực hiện theo quy định đối với Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh quy định tại Quy định này.

6. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý khoa học và công nghệ được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt giao thực hiện nhiệm vụ trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt giao thực hiện nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.